

Quỳ Châu, ngày 17 tháng 4 năm 2025

Số: 02/2025/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
Về việc Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ CHÂU, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Lô Văn Linh

Thư ký phiên họp: Ông Tăng Thành Vương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên họp: Bà Vi Thị Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 35/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025 về việc “Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:** Chị Lô Thị Th, sinh ngày 17/4/1994.

Nơi cư trú: Bản Kh, xã Ch H, huyện Q Ch, tỉnh Ngh A. Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Lu Văn T, sinh ngày 06/9/1990.

Nơi cư trú: Bản Kh, xã Ch H, huyện Q Ch, tỉnh Ngh A.

Vắng mặt (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2. Ủy ban nhân dân xã Châu Hội, huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ: Bản H 1, xã Ch H, huyện Q Ch, tỉnh Ngh A.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Sỹ L. Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Châu Hội, huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, quá trình giải quyết vụ việc và tại phiên họp, người yêu cầu là chị Lô Thị Th trình bày: Vào năm 2008, sau khi tốt nghiệp Trung học cơ sở, do hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân chị Th muốn đi làm thêm để tăng thu nhập cho gia đình nên đã khai sai năm sinh là năm 1992 để làm Giấy chứng minh nhân dân và sau đó sử dụng Giấy chứng minh nhân dân này để đi đăng ký kết hôn với anh Lu Văn T vào ngày 29/12/2011 tại UBND xã Châu Hội, huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An. Vào năm 2021, khi làm Căn cước công dân thì chị Th đã khai lại năm sinh đúng theo Giấy khai sinh của chị Th là sinh năm 1994. Vào năm 2020 khi đi làm

thủ tục đăng ký khai sinh cho người con thứ hai là Lu Diễm An N phải xuất trình Giấy chứng nhận kết hôn thì thông tin trên Giấy chứng nhận kết hôn bị mờ nên cán bộ tư pháp xã đã điền ngày tháng năm sinh của chị Th theo ngày tháng năm sinh ghi trên Căn cước công dân là ngày 17/4/1994. Tại thời điểm đăng ký kết hôn thì chị Th và anh T cung cấp cho cán bộ tư pháp Giấy chứng minh nhân dân và ghi thông tin vào tờ khai đăng ký mà không cung cấp thêm giấy tờ gì khác và cán bộ tư pháp cũng không yêu cầu chị Th và anh T phải cung cấp thêm các giấy tờ khác (như Giấy khai sinh) để làm căn cứ xác định chính xác ngày tháng năm sinh của chị Th và anh T. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu đến năm 2015 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T hay ghen tuông vô cớ và nhiều lúc anh T uống rượu say về thì có nhiều lần đánh đập chị Th. Hai người đã không chung sống với nhau từ cuối năm 2023 cho đến nay. Quá trình giải quyết chị Th thay đổi một phần ý kiến, đó là vào năm 2020 khi đi làm thủ tục đăng ký khai sinh cho cháu Lu Diễm An N thì chị Th có xuất trình Giấy chứng nhận kết hôn, tuy nhiên khi thông tin ngày tháng năm sinh của chị Th và anh T bị mờ thì chị Th đã xuất trình sổ hộ khẩu để cán bộ tư pháp đối chiếu và cán bộ tư pháp đã ghi lại mục ngày tháng năm sinh bị mờ trong Giấy chứng nhận kết hôn theo đúng thông tin ghi trên Sổ hộ khẩu là ngày 17/4/1994 đối với chị Th và ngày 06/9/1990 đối với anh T. Ngày tháng năm sinh chính xác của chị Th là ngày 17/4/1994 theo như thông tin trên trích lục khai sinh, vào thời điểm đăng ký kết hôn thì chị Th chưa đủ tuổi theo quy định (17 tuổi, 8 tháng, 12 ngày). Nay chị Th không còn tình cảm với anh T nữa và mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng. Do đó chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Lô Thị Th và anh Lu Văn T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 103, quyển số 01/2011 do UBND xã Châu Hội, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An cấp ngày 29/12/2011. Về con chung: Chị Th và anh T có hai người con chung là Lu Diễm Trà M sinh ngày 04/5/2013 và Lu Diễm An N sinh ngày 04/01/2020, ngoài ra chị Th và anh T không ai có con riêng và không nhận con nuôi. Hiện nay cháu M đang sinh sống với anh T cùng bà nội của cháu và cháu N đang sinh sống với chị Th cùng ông bà ngoại của cháu đều tại bản Kh, xã Ch H, huyện Q Ch, tỉnh Ngh A, gia đình hai bên nội ngoại cách nhau khoảng 100m. Chị Th yêu cầu giao cháu N cho chị Th và giao cháu M cho anh T nuôi dưỡng, không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Quá trình giải quyết vụ việc thì do anh T yêu cầu được giao nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu chị Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên chị Th cũng đồng ý giao cả hai người con chung cho anh T nuôi dưỡng và do bản thân chị Th đang làm nghề lao động tự do, chưa có công việc và thu nhập ổn định nên xin tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Con chung là cháu Lu Diễm Trà M có nguyện vọng được ở với anh T. Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Lu Văn T trình bày: Anh T và chị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Châu Hội, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An vào ngày 29/12/2011. Tại thời điểm đăng ký kết hôn thì anh T xuất trình Giấy chứng minh nhân dân cho cán bộ tư pháp xã, ngoài ra không xuất trình thêm giấy tờ gì khác. Chính xác anh T sinh năm 1990. Nay chị Th yêu cầu giải quyết hủy kết hôn trái pháp luật thì anh T đồng ý với yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của chị Lô Thị Th. Anh T thường đi làm thuê có thu nhập trung bình hàng tháng

khoảng 4.000.000đ (Bốn triệu đồng). Anh T yêu cầu được giao nuôi dưỡng cả hai người con chung và không yêu cầu chị Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Không yêu cầu giải quyết về tài sản.

Quá trình giải quyết việc dân sự, Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Châu Hội và Công an xã Châu Hội, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An xác định được: Chị Lô Thị Th sinh ngày 17/4/1994 trong Giấy chứng nhận kết hôn số 103, quyển số 01/2011, Trích lục kết hôn cấp ngày 17/3/2025, Căn cước công dân số 040194002827 cấp ngày 08/4/2021 và chị Lô Thị Th sinh năm 1992 trong Giấy khai sinh số 184/2014 của con là Lu Diễm Trà M là cùng một người. Anh Lu Văn T sinh ngày 06/9/1990 trong Giấy chứng nhận kết hôn số 103, quyển số 01/2011, Trích lục kết hôn cấp ngày 17/3/2025, Căn cước công dân số 040090012410 cấp ngày 17/12/2021 và anh Lu Văn T sinh năm 1989 trong Giấy khai sinh số 184/2014 của con là Lu Diễm Trà M là cùng một người. Chị Lô Thị Th và anh Lu Văn T có ngày, tháng, năm sinh chính xác là: Chị Lô Thị Th sinh ngày 17/4/1994, anh Lu Văn T sinh ngày 06/9/1990 (Theo thông tin trong sổ đăng ký khai sinh thể hiện). Đối với yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của người yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị Lô Thị Th thì UBND xã có ý kiến như sau: Vào thời điểm đăng ký kết hôn thì UBND xã đã căn cứ vào các thông tin trên Giấy chứng minh nhân dân và tờ khai đăng ký kết hôn do chị Th và anh T cung cấp nhưng không yêu cầu hai bên cung cấp thêm giấy tờ gì khác như (Giấy khai sinh) để xác định chính xác nhất ngày tháng năm sinh của chị Th nên dẫn đến có sự thiếu sót. Nay UBND xã đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu căn cứ theo quy định của pháp luật để xem xét giải quyết việc dân sự đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên họp phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết việc dân sự, Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục giải quyết việc dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung: Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 29; Điều 367; 369 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 15 và Điều 16 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điểm a khoản 1 Điều 8, Điều 10, Điều 11, Điều 12 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị Lô Thị Th: Hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Lô Thị Th và anh Lu Văn T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 103, quyển số 01/2011, đăng ký ngày 29/12/2011 của Ủy ban nhân dân xã Châu Hội, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An. Đề nghị giao hai người con chung là Lu Diễm Trà M, sinh ngày 04/5/2013 và Lu Diễm An N, sinh ngày 04/01/2020 cho anh Lu Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Lô Thị Th. Chị Lô Thị T và anh Lu Văn T không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ nên đề nghị không xem xét. Đề nghị giải quyết về lệ phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Đây là yêu cầu về hủy kết hôn trái pháp luật do việc đăng ký kết hôn được thực hiện tại Ủy ban nhân dân xã Châu Hội, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên họp, chị Lô Thị Th có mặt, anh Lu Văn T và đại diện theo pháp luật của UBND xã Châu Hội, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An vắng mặt (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt). Tòa án tiến hành mở phiên họp là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và hậu quả pháp lý của việc hủy kết hôn trái pháp luật: Chị Lô Thị Th sinh ngày 17/4/1994, anh Lu Văn T sinh ngày 06/9/1990, đăng ký kết hôn tại UBND xã Châu Hội, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An vào ngày 29/12/2011 trên cơ sở tự nguyện. Tuy nhiên tại thời điểm đăng ký kết hôn thì chị Th xuất trình Giấy chứng minh nhân dân sinh năm 1992, thông tin trên Giấy chứng minh nhân dân sinh năm 1992 là do chị Th khai sai năm sinh so với thông tin đăng ký khai sinh và Trích lục khai sinh là sinh ngày 17/4/1994. Thời điểm đăng ký kết hôn thì chị Th sử dụng thông tin trên Giấy chứng minh nhân dân và tờ khai để đăng ký kết hôn, cơ quan đăng ký kết hôn cũng không yêu cầu chị Th và anh T xuất trình thêm các giấy tờ khác (như giấy khai sinh) để kiểm tra xác định chính xác ngày tháng năm sinh của chị Th và anh T. Như vậy xác định được vào thời điểm đăng ký kết hôn thì chị Th sinh ngày 17/4/1994 (Theo Trích lục khai sinh) chưa đủ 18 tuổi (17 tuổi 8 tháng, 12 ngày) nên chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Đến thời điểm hiện tại chị Th và anh T đã đủ tuổi kết hôn nhưng quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn và đã ly thân từ cuối năm 2023 cho đến nay, đồng thời hai người đều nhất trí yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật. Căn cứ theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp, cần chấp nhận yêu cầu của chị Lô Thị Thuận về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Lô Thị Th và anh Lu Văn T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 103, quyền số 01/2011, đăng ký ngày 29/12/2011 của Ủy ban nhân dân xã Châu Hội, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An. Do việc kết hôn giữa chị Lô Thị Th và anh Lu Văn T vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và là kết hôn trái pháp luật nên kể từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật, chị Lô Thị Th và anh Lu Văn T phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng theo quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Lô Thị Th và anh Lu Văn T có 02 người con chung là Lu Diễm Trà M sinh ngày 04/5/2013 và Lu Diễm An N sinh ngày 04/01/2020. Chị Th và anh T đều tự nguyện thống nhất giao hai con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Quá trình giải quyết vụ việc thì cháu M có nguyện vọng được ở với bố là anh Lu Văn T. Anh T không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung, đồng thời chị Th cũng xin tạm hoãn nghĩa

vụ cấp dưỡng nuôi con chung do bản thân hiện nay chưa có công việc và thu nhập ổn định. Xét thấy, ý kiến của chị Th và anh T về giao nuôi dưỡng con chung là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và không bị pháp luật nghiêm cấm. Do đó cần giao hai người con chung cho anh Lu Văn T trực tiếp nuôi dưỡng và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Lô Thị Th.

[4] Về tài sản và nợ: Chị Lô Thị Th và anh Lu Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về kiến nghị: Kiến nghị Ủy ban nhân dân xã Châu Hội, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An thực hiện việc ghi chú vào sổ hộ tịch về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Lô Thị Th và anh Lu Văn T theo quy định của pháp Luật.

[6] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ vào Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 11, Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Lô Thị Th không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

[7] Về quyền kháng cáo, quyền kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Quyết định này theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 361, Điều 362, Điều 366, Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, Điều 15 và Điều 16 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 1 Điều 8, Điều 10, Điều 11, Điều 12 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 11, Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị Lô Thị Th. Hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Lô Thị Th và anh Lu Văn T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 103, quyền số 01/2011, đăng ký ngày 29/12/2011 của Ủy ban nhân dân xã Châu Hội, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An.

2. Về hậu quả pháp lý của việc hủy kết hôn trái pháp luật.

- Chị Lô Thị Th và anh Lu Văn T phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng kể từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao hai người con chung là Lu Diễm Trà M sinh ngày 04/5/2013 và Lu Diễm An N sinh ngày 04/01/2020 cho anh Lu Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Lô Thị Th.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở

người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích chung về mọi mặt của con, khi cần thiết thì sau này các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Kiến nghị Ủy ban nhân dân xã Châu Hội, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An thực hiện việc ghi chú vào sổ hộ tịch về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Lô Thị Th và anh Lu Văn T theo quy định của pháp Luật.

4. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Lô Thị Th không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc dân có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết theo quy định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND h Quỳnh Châu; VKSND t Nghệ An;
- UBND xã Châu Hội, h Quỳnh Châu;
- Chi cục THADS h Quỳnh Châu;
- Phòng KTNV, TAND tỉnh Nghệ An;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVDS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Lô Văn Linh